TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **180**/2023/QĐST–HNGĐ	*Long Thành, ngày 30 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 465/2023/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Lý Đức L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị X và ông Lý Đức L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/2010 ngày 02 tháng 7 năm 2010. Do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà X và ông L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung:* Bà X, ông L có 01 con chung tên Lý Nhã K, sinh ngày 22/11/2010. Ly hôn bà X, ông L thỏa thuận, bà X là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa

thuận về nuôi con của bà X và ông L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về lệ phí sơ thẩm*: Bà X và ông L mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 6 năm 2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

– *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị X và ông Lý Đức L thuận tình ly hôn.

– *Về con chung*: Giao cháu Lý Nhã K, sinh ngày 22/11/2010 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền thăm nom con không ai được cản trở, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

– *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

– *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án:* Bà Nguyễn Thị X, ông Lý Đức L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0009607 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Bà X và ông L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Long Thành;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thành